TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 84/2019/QĐST- HNGĐ	*Thành phố H, ngày 22 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 29/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Bỉnh D, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số 16 kiệt 386 đường Phan Chu Tr, phường An C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 16 kiệt 386 đường Phan Chu Tr, phường An C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bỉnh D và chị Đỗ Thị L kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 02 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, và anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 19/01/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng không còn tình cảm. Do mâu thuẫn giữa anh D và chị L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D, chị L cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Bỉnh D và chị Đỗ Thị L chung sống có 02 con chung là Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 18/4/2010 và Nguyễn Minh Kh, sinh

ngày 15/8/2013. Nguyện vọng của cháu Kh muốn ở với anh D nên anh D, chị L thỏa thuận giao cháu Kh cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Kh cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Bỉnh D, chị Đỗ Thị L xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Bỉnh D, chị Đỗ Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14/02/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Bỉnh D và chị Đỗ Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 18/4/2010 cho anh Nguyễn Bỉnh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 15/8/2013 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Bỉnh D, chị Đỗ Thị L xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung, và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Bỉnh D, chị Đỗ Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Nguyễn Bỉnh D, chị Đỗ Thị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/007614 ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Thành phố H ;
- UBND phường An Cựu, H;
(ĐKKH số: 08, ngày 19/01/2010);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh